

CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN VÀ KIẾN TRÚC CHÙA BỔ ĐÀ

THS. THÂN QUANG HUY*

1- Cảnh quan thiên nhiên

Dòng sông Cầu chảy từ Thái Nguyên về đến núi Can Vang theo hướng Bắc - Nam gặp núi Quả Cắm, rồi xuống Đáy Cầu đi Phả Lại ra biển. Dòng sông uốn lượn thơ mộng, in hình ngọn núi Phượng Hoàng với bóng Bồ Đà sơn cổ kính. Núi Bồ Đà nằm ở bờ Bắc sông Cầu, thuộc vùng đất Tây Nam của Bắc Giang, trải dài chừng 2000m bao bọc lấy hai thôn: Thượng Lát, Hạ Lát của xã Tiên Sơn. Thôn Thượng Lát ở phía Đông núi, còn thôn Hạ Lát ở phía Tây núi. Trong sơn phận núi Bồ Đà nổi lên các ngọn đền Thượng, ngọn chùa Cao, ngọn chùa Khám, ngọn Phượng Hoàng, ngọn Trúc Lát, ngọn Con Voi và ngọn Bàn Cờ Tiên. Chùa tọa lạc trên ngọn núi Bồ Đà thuộc địa phận xã Tiên Lát, huyện Việt Yên. Chùa được xây dựng lớn từ thời Lê, (bao gồm cả chùa Tứ Ân nên còn có tên là Tứ Ân tự (四恩寺)) có tên chính là chùa Quán Âm núi Bồ Đà, và thường được dân trong vùng gọi tắt là chùa Bồ. Quần thể chùa Bồ Đà là một trong những di tích tiêu biểu của tỉnh Bắc Giang, gồm chùa chính thuộc khu vực núi Bồ Đà cùng hai đền thờ Đức thánh Hóa và Thạch Tướng Đại Vương.

Núi Bồ Đà nằm trong địa phận xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên bao gồm ba ngọn cao nhất là Phượng Hoàng sơn, Kim Quy sơn và Mã Yên sơn cùng các núi nhỏ: Con Cóc, Bộ Không, Bộ Ngạch, Bộ Trúc....được gọi chung là núi Bồ Đà. Sách *Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí* cũng ghi: "Núi Bồ Đà là ngọn núi bậc nhất của huyện Việt Yên. Bắt đầu từ Thái Nguyên qua Yên Thế... Nhiều ngọn liên tiếp vây quanh, bỗng nổi lên núi Bồ Đà, vừa cao vừa to. Trong đó lại gọi riêng ngọn núi cao nhất là núi Phượng Hoàng. Những ngọn thấp hơn một chút là núi Yên Ngự, núi Kim Quy. Núi có chùa Tam Giáo, có miếu Thạch Tướng Quân". Chùa Bồ Đà được xây dựng ở nơi cảnh quan thiên nhiên lý tưởng của dãy Bồ Đà sơn vừa có núi, có sông, địa thế phong thủy giao hoà, không gian u tịch mà thanh vắng là điều kiện lý tưởng để tu thiền học đạo.

Chùa Bồ là một trong những kiến trúc độc đáo so với các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam. Toàn bộ chùa chính có diện tích khoảng 51.784m² được phân ra làm ba khu rõ rệt: Khu vườn: 31.000m², nội tự chùa: 13.000m² và vườn tháp rộng: 7.784m².

Chùa Bồ được trồng nhiều loại cây: Xanh, si: đây là hai loại cây được coi như là nơi ngự của các thần linh. Đồng thời, cũng là nơi nương tựa của các linh hồn bơ vơ, nhờ gần với chùa mà các vong linh ấy được hưởng chút hương lộc của chúng sinh. Cây đề (bồ đề): còn được gọi là giác thụ, đại thụ, là hiện thân của sự giác ngộ, sáng suốt, minh triết, tượng trưng cho đạo Phật vì đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, nhờ trí tuệ mà giác ngộ, diệt trừ được vô minh là mầm mống của tội ác. Cây đề tượng trưng cho Trí, Trí, Đạo và Giác nên thường được trồng ở phía trước, bên trái của chùa. Cây đề hay bồ đề còn được gọi là Pippala (Tất bát la) gắn với tích truyện về Thích Ca Mâu Ni ngồi thiền dưới gốc cây này mà giác ngộ, người ta còn gọi là chứng quả bồ đề. Vì vậy, cây bồ đề được trồng ở chùa còn là biểu tượng cho mục đích của các kiếp tu, tại chùa Bồ Đà hiện có 3 cây Bồ Đề to. Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên đang tiến hành dự án trồng đường Bồ Đề dọc 02 bên đường từ ngã ba Trường Phổ thông Trung học Lý Thường Kiệt vào đến cổng chùa.

- Cây đại: được trồng ở khu vườn tháp chùa Bồ Đà, tại chùa Tứ Ân có 01 cây khoảng 300 năm tuổi. Loài cây này có một vẻ đẹp rất thoát tục với hình thức những thân cây trụ lá và những chùm hoa trên cao, tạo cảm giác linh thiêng, mệnh mang trong không gian của các kiến trúc tôn giáo cổ truyền. Theo nhà Phật thì cây đại là một cây thiêng trong hệ cây thiên mệnh (nghĩa là sinh khí, linh hồn của vũ trụ, trời đất). Trong quan niệm của người xưa thì loài cây này có khả năng hút sinh lực từ bầu trời chuyển xuống cho đất và nước để khởi phát một cuộc sống viên mãn.

- Cây mít: tên tiếng Ấn là Paramita (đọc theo phiên âm Hán Việt là Ba La Mật Đa) có nghĩa là: cứu cánh tối cùng của mọi sự đến bờ giác ngộ nơi

* *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang*

không còn sinh tử lo âu, đưa người ta ra khỏi bến mê đến bờ giác ngộ. Cây mít vì thế tượng trưng cho đại trí tuệ, nhắc nhở con người cần phải tĩnh tâm trên con đường trí tuệ (việc lấy lá mít lót oản cúng Phật có lẽ là dựa vào ý nghĩa này). Cây mít được trồng rất nhiều ở trong vườn chùa. Mít cho quả làm các món chay. Gỗ mít còn được dùng để tạc tượng, làm mộc bản (tại chùa Bồ Đề hiện còn lưu giữ được 1.935 mộc bản theo tài liệu kiểm kê của Bảo tàng tỉnh Bắc Giang) và làm vật liệu tu bổ di tích.

- Cây thông/tùng: tượng trưng cho người quân tử, học rộng tài cao, cũng là biểu tượng cho sự kiên tâm giữ vững được phẩm chất cao đẹp của mình trước phong ba bão tố. Thông là biểu tượng của thánh nhân, mang cốt cách thanh tao, thoát tục, gần gũi. Cây thông với dáng đứng thẳng của mình còn được coi như là gạch nối giữa trời và đất, để cho âm dương giao hòa. Thông còn là hiện thân của trí tuệ, sự thông hiểu. Và đó chính là đạo, là con đường nhắc nhở và dẫn dắt kiếp tu tới siêu thoát. Tại chùa Bồ Đề có một rừng thông cổ được trồng vào những năm 60 của thế kỷ XX.

- Cây trúc/tre: là những loài cây có nhiều ý nghĩa vượt ra ngoài lẽ tự nhiên. Tre/trúc mọc quần tụ đông đúc được cho là biểu trưng của sự hợp quần của các tín đồ. Hơn nữa, cây trúc với giống thẳng từ xưa đã được coi là tượng trưng cho người quân tử có phẩm chất ngay thẳng cao thượng. Ngoài ra, những thân tre, trúc nhiều đốt còn mang tư cách là chiếc thang lên trời trong ước vọng thông linh, chúng thường được dùng để treo cành phan. Với đạo Phật, tre/trúc với ruột rỗng còn là biểu tượng của tâm không dẫn dắt Phật tử trở về với bản thể chân như để thấy Phật tâm. Trong tín ngưỡng dân gian chịu ảnh hưởng của đạo Phật thì tre/trúc còn thông qua hình dáng vươn cao, đu đưa theo gió mà có ý nghĩa "tùy duyên mà hóa độ". Nét độc đáo của chùa Bồ Đề ngoài hệ thống "tường trình" từ cổng vào, bao quanh là những rặng tre, trúc được trồng liên hoàn, có giá trị tâm linh và thẩm mỹ, hòa chung với cảnh quan thiên nhiên để tạo nên vẻ tươi đẹp của vùng đất Phật Bồ Đề sơn.

2- Kiến trúc

Chùa Bồ Đề được thiết kế theo lối kiến trúc "nội thông ngoại bế" tạo vẻ u tịch, thanh vắng, linh thiêng. Theo lối kiến trúc này thì phần nền chùa được thiết kế theo hình chữ Hoắc, với 16 khối khác nhau, có 92 gian nối thông nhau tạo thành hệ thống các tòa ngang dãy dọc liên hoàn cổ kính. Đây là một nét kiến trúc độc đáo, đặc sắc không chỉ riêng trong tỉnh Bắc Giang mà các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam cũng rất hiếm thấy. Xung quanh chùa được "trình tường" đất cổ, là nét

độc đáo, đặc biệt mà ít nơi có. Chùa Bồ Đề có đến 8 lớp cổng ra vào nối các công trình với nhau. Một số cổng được xây dựng từ thời Nguyễn (thế kỷ XIX) còn mang đậm dấu ấn kiến trúc cổ, có giá trị nghiên cứu nghệ thuật. Ở chùa Tứ Ân, các đề tài chạm khắc tập trung trên các đầu bẩy, đầu kê hiện ý tưởng sâu sắc, nét chạm tinh tế với hình vân mây, đao mác ở cả hai mặt. Hệ thống các vì nách làm theo kiểu ván mê và chạm dày đặc, kín cả hai mặt với nhiều đề tài: Hoa lá, vân mây, đao mác, hình tứ linh "Long, Ly, Quy, Phượng", hình tứ quý: "Tùng, Trúc, Cúc, Mai", hình linh thú... đường nét sống động và có hồn. Trên các vì nóc cũng được chạm hình vân mây, hoa lá, con tiện, trái đào tiên... Kỹ thuật chạm thủng kết hợp chạm bong kênh và chạm chìm, đường nét sắc xảo, tinh tế nên bức chạm, hình chạm rất sinh động, mang rõ phong cách thời Lê (thế kỷ XVIII) và thời Nguyễn (thế kỷ XIX).

Chùa Bồ Đề còn là nơi bảo lưu những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc độc đáo được chia thành 5 đơn nguyên kiến trúc chính: chùa Tứ Ân, am Tam Đức, chùa Cao, Vườn tháp và Ao Miếu:

Chùa Tứ Ân:

- Cổng chùa và tường đất: Hiện nay, chùa có 8 cổng. Cổng chính phía Nam kiến trúc theo lối mái vòm cuốn, xây gạch chỉ miết mạch, để mộc, mang nét kiến trúc thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Các cổng còn lại phần lớn cũng được xây dựng từ thời Nguyễn thế kỷ XIX - XX bằng gạch chỉ để mộc, kiến trúc dạng cuốn mái vòm. Đường vào chùa từ cổng thứ nhất đến cổng thứ hai lát những khối đá muối có kích thước to nhỏ khác nhau. Hai bên được đắp tường trình bằng đất nện, râu phong, cổ kính. Tường đất là nét kiến trúc độc đáo chỉ có riêng ở chùa Bồ Đề, huyện Việt Yên.

- Toà Tam bảo: có bố cục kiến trúc kiểu chữ Đinh gồm tòa Tiền đường 7 gian nối toà Thượng điện 5 gian xây bình đầu bit đốc. Liên kết ở 8 vì nóc khác nhau, 6 vì giữa liên kết theo kiểu con chông đầu kê. Hai vì còn lại liên kết theo kiểu chông rường đầu kê, hạ kê suốt. Đáng chú ý là hệ thống đầu bẩy hiện, ván gió và kê hai hồi được chạm khắc cầu kỳ, tinh xảo ở cả hai mặt với hình vân mây, đao mác, hình hoa cúc cách điệu, lá lật mập, mang nét đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc thời Lê mặt (thế kỷ XVII - XVIII). Hệ thống các vì nách ở 4 gian giữa toà Tiền đường liên kết theo kiểu con chông và ván mê, chạm phủ kín cả hai mặt với hình hoa lá, vân mây đao mác, hình tứ linh: "Long, Ly, Quy, Phượng" và hình linh thú. Nghệ thuật chạm bong kênh kết hợp chạm nổi trên một không gian nhỏ nhưng diễn tả được nhiều nội dung và hoạt cảnh có giá trị lịch sử và

giá trị nghệ thuật. Toà Tiền đường được bài trí hệ thống tượng Phật và các đồ thờ, di vật, cổ vật đầy đủ. Tòa Thượng điện có 4 gian, xây bit đốc. Phần liên kết ở 5 vì nóc đều theo kiểu vì giá chiêng, con chông, đầu kê, vì cuối liên kết theo kiểu cánh báng. Hệ thống các vì nách theo kiểu con chông, bào trơn, soi gờ kẻ chỉ. Thượng điện treo nhiều bức y môn và hệ thống hoành phi, câu đối, tranh gỗ, phần lớn có niên đại Thành Thái thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Toà Tam bảo là điểm nhấn về giá trị kiến trúc nghệ thuật của di tích chùa Bồ Đà.

- Hai dãy hành lang: Chạy song song với tòa Thượng điện, mỗi dãy 6 gian xây bit đốc với hai mặt mái lợp ngói. Dãy hành lang tu sửa năm 2007 và 2015. Phần liên kết với 7 vì mái ở mỗi dãy hàng lang, kết cấu kiến trúc giống nhau theo kiểu vì giá chiêng, kẻ truyền. Các cấu kiện kiến trúc làm bằng gỗ lim, chạm khắc hình hoa lá đơn giản.

- Nhà tổ - toà trước: Nằm phía sau Tam bảo, bình đồ kiến trúc kiểu chữ Nhất, gồm 5 gian xây bình đầu bit đốc với hai mặt mái lợp ngói. Các vì nóc liên kết giống nhau theo kiểu vì giá chiêng và kiểu thức con chông, đầu kê, trốn trụ, kẻ chuyển. Các cấu kiện kiến trúc được chạm khắc hình hoa lá vân mây đơn giản.

- Tòa sau của Nhà tổ: Có 5 gian xây kiểu tường hồi bit đốc với hai mặt mái lợp ngói. Liên kết ở 6 vì nóc khác nhau, hai vì gian giữa kiểu giá chiêng, con chông, đầu kê, 2 vì bên liên kết theo kiểu cốn mê chông rường, 2 vì còn lại liên kết theo kiểu con chông đầu kê. Trên các đầu bẩy, con chông, đầu kê được chạm nổi hình hoa lá, vân mây, đao mập, nhọn. Ở 4 vì nóc gian giữa chạm khắc hình hoa lá, các đầu kê, con chông tạo hình tròn giống trái đào tiên và dạng vòng trện hình chữ Thọ. Nghệ thuật chạm nổi là chủ yếu, nét chạm khắc mang phong cách thời Nguyễn (thế kỷ XIX) có giá trị nghệ thuật.

- Giảng đường: Nằm phía bên trái có 3 gian, xây kiểu tường hồi bit đốc, cửa bức bàn. Với 4 hàng chân cột, liên kết bởi 4 vì nóc kiểu kẻ truyền trụ giá chiêng. Các cấu kiện kiến trúc chạm khắc hình hoa lá đơn giản, mang phong cách thời Nguyễn.

- Nhà trụ trì: Nằm đối diện với Giảng đường gồm 3 gian xây tường hồi bit đốc với hai mặt mái lợp ngói, cửa bức bàn. Liên kết bởi 4 bộ vì mái kiểu kẻ truyền trụ giá chiêng. Các cấu kiện kiến trúc chạm khắc hình hoa lá đơn giản mang phong cách thời Nguyễn. Tường mái phía sau xây bằng tiểu sành, vật liệu của làng nghề gốm Thổ Hà truyền thống, mang màu sắc nâu trầm cổ kính, gắn với không gian văn hoá làng quê.

- Gác kinh: Hai gác kinh được xây dựng liền khối với tòa trước nhà tổ, theo kiểu chông diêm 2 tầng

mái, hình dáng vuông, với bốn hàng chân cột, các vì nóc kiểu giá chiêng kẻ truyền. Gác kinh là nơi tàng chứa kinh sách của nhà chùa, có tác dụng chống mối mọt ẩm thấp. Công trình này đã được tu sửa lại nhưng vẫn còn bảo lưu được nhiều nét kiến trúc cổ thời Nguyễn (thế kỷ XIX).

- Nhà hành pháp: Nằm phía sau Giảng đường có 5 gian xây bit đốc. Cửa gỗ kiểu thượng song hạ bản, với 4 hàng chân cột. Các vì nóc đều theo kiểu thức kẻ truyền giá chiêng. Các cấu kiện kiến trúc không chạm khắc cầu kỳ.

Ngoài ra, trong chùa còn một số nhà phụ làm đơn giản, như: Nhà ni, Nhà khách, Tạo soạn và nhà Ga (tang lễ).

Am Tam Đức:

Am được xây dựng ở lưng chừng núi Phụng Hoàng phía sau chùa Tứ Ân. Bình đồ kiến trúc kiểu chữ Nhất, gồm 5 gian, 3 gian giữa xây kiểu chông diêm 2 tầng mái. Giá trị kiến trúc nổi bật của am Tam Đức là dạng kiến trúc mái kiểu chông diêm tạo cho mái thêm mềm mại. Bên trong am Tam Đức đặt một nhang án ở gian giữa, trên đặt tượng sư tổ Phạm Kim Hưng và bài trí đồ thờ tự.

Chùa Cao:

Ở phía Bắc, sau am Tam Đức. Xung quanh là cây rừng của Bồ Đà sơn. Bình đồ kiến trúc kiểu hình chữ Nhất dọc, cuốn mái vòm. Tổ hợp mái cuốn vòm theo lối kiến trúc am, động là thức kiến trúc rất cổ của di tích. Tường mái phía trước tạo kiểu tay ngai. Trong chùa chia hai gian nhỏ. Bên ngoài là nơi hành lễ, hai bên áp sườn tường đặt ban thờ, bên trái để chữ "Sơn trấn tĩnh", bên phải để chữ "Nhạc giảng Thần". Gian trong cùng xây bệ thờ trên đặt tượng Quán Thế Âm Bồ tát và bài trí đồ thờ tự.

Chùa Cao là điểm phát tích và ghi nhiều dấu ấn về lịch sử hình thành chùa Bồ Đà. Về giá trị văn hoá vật chất để lại thể hiện qua thức kiến trúc cổ ban đầu, kiểu kiến trúc hang động, mái vòm.

Vườn tháp:

Ở xứ Kinh Bắc, có hai chốn tùng lâm thuộc dòng Lâm Tế là chùa Bồ Đà (huyện Việt Yên) và chùa Bảo Quang (còn gọi là chùa Bạch Tháp) ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hai sơn môn này có vườn tháp khá "đồng đảo". Trải thời gian, nhiều ngôi tháp chùa Bảo Quang bị mai một nay chỉ còn mấy chục ngôi... Trong khi đó, vườn tháp chùa Bồ Đà vẫn còn nguyên vẹn, trở thành một vườn tháp khá lớn của Việt Nam.

Qua gần ba trăm năm, sơn môn Bồ Đà đã xây dựng tất cả 110 ngôi tháp, mộ lớn nhỏ. Trong đó có nhiều ngọn tháp được xây dựng từ thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVIII). Hệ thống tháp mộ được chia thành 2 khu vực: phía trên là tháp tăng, phía dưới là

tháp ni và khu vực thấp hơn dành để xây mộ cho những người chấp tác trong chùa. Với các toà tháp đó có đến 97 tháp, mộ tầng xá li, tro, cốt của nhiều nhà sư tu hành đắc đạo của dòng Lâm Tế khắp nơi trên cả nước. Có ngôi tháp an táng tới 26 nhà sư, họ đều là anh em cùng sơn môn. Cũng có những toà tháp chưa có xá li. Tháp xây từ 2 đến 3 tầng bằng chất liệu truyền thống đá và gạch cổ, trong lòng tháp đặt bia ghi bài vị.

Với giá trị độc đáo, quý giá của vườn tháp, tại Hội ngộ kỷ lục gia Việt Nam lần thứ 31 ngày 7/5/2016 diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh, chùa Bồ Đà vinh dự đón nhận 02 kỷ lục: “Ngôi chùa có vườn tháp lớn nhất Việt Nam” và “Bộ mộc bản Kinh Phật của Thiền phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất”.

Ao Miếu:

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, đền Ao Miếu thuộc xã Tiên Lát, huyện Việt Yên, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, đền Ao Miếu thuộc thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Di tích đền Ao Miếu nằm cách thành phố Bắc Giang khoảng 25km về phía Tây, xung quanh bốn mặt giáp ao làng và đường liên thôn.

Đền Ao Miếu thờ thần đá được gọi là Thạch Linh Thần Tướng hay Thạch Tướng Quân, khu thờ tự chính tập trung nhiều hòn đá thiêng lớn, nằm ven đường thuộc đất của thôn Hạ Lát, đó là các khối đá nhám màu nâu lớn ở giữa một cái ao mang tên là Thạch Long, những khối đá này tương truyền là mẹ đá sinh ra Thạch Linh Thần Tướng. Mẹ đá mang thai Thạch Tướng Quân rồi sinh ra ngài tại nơi đây, vì thế những khối đá ấy đều gắn với các mẫu chuyện về sự ra đời của Thạch Linh Thần Tướng. Đây là nơi phát tích tục thờ đá gắn với tín ngưỡng thờ Thạch Linh Thần Tướng chùa Bồ Đà.

Chùa Bồ Đà là một danh lam cổ tự tương truyền có từ thời Lý (thế kỷ XI), được đại trùng tu vào thời Lê Trung hưng - niên hiệu Bảo Thái (1720 - 1729) và thời Nguyễn (thế kỷ XIX); là một trong những trung tâm Phật giáo lớn thuộc thiền phái Lâm Tế và Trúc Lâm, một trong những ngôi chùa độc đáo cổ kính và lớn nhất vùng đất Kinh Bắc như câu ca dao xưa: “Thứ nhất là chùa Đức La, Thứ nhì chùa Bồ, thứ ba



Toàn cảnh chùa Bồ Đà (Bắc Giang) - Ảnh: Nguyễn Sử

chùa Tràng”. Chùa Bồ Đà còn là nơi kể truyền các vị tổ sư khai thuyết pháp đào tạo các tăng ni. Các vị tổ sư còn cho khắc nhiều bản kinh luật Đại thừa, như: Lăng nghiêm chính mạch, Yết ma hội bản, Nam hải ký qui... để phục vụ cho việc đào tạo truyền bá kinh Phật, làm cho kho tàng pháp bảo của Phật giáo Việt Nam càng thêm phong phú. Trải thời gian với bao biến cố thăng trầm của lịch sử, di tích vẫn giữ được nhiều giá trị độc đáo, mộc mạc, nguyên sơ của một ngôi chùa Việt. Chùa có kho mộc bản kinh Phật của thiền phái Lâm tế cổ nhất Việt Nam: 18 bộ kinh sách chính (Theo số liệu báo cáo thực hiện chương trình “Tư liệu hoá Mộc bản chùa Bồ Đà của Bảo tàng Bắc Giang năm 2013, kho mộc bản chùa Bồ Đà có 1935 ván khắc với 83 đầu sách). Mộc bản có niên đại sớm nhất được san khắc vào năm 1740 và muộn nhất vào những năm đầu thế kỷ XX. Đây là kho di sản tư liệu quý giá không chỉ về việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo mà còn có giá trị nghiên cứu trên nhiều phương diện: Văn hoá, ngôn ngữ, văn học, mỹ học... Bộ kinh Phật chùa Bồ Đà xứng đáng là một di vật Phật học đặc biệt để lại cho đời sau...

Với giá trị độc đáo, tỉnh Bắc Giang đã triển khai lập Hồ sơ khoa học và pháp lý di tích chùa Bồ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên để nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt./

T.Q.H

(Ngày nhận bài: 01/11/2016; ngày phân biện đánh giá: 09/11/2016; ngày duyệt đăng bài: 11/11/2016).